TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** ----------***----------
Số: 16 /2023/QĐST-KDTM	*Long Biên, ngày 17 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 05/2023/TLST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa:
- Nguyên đơn: Ngân hàng A
Địa chỉ: Số ** L, phường L, quận Đ, thành phố H
Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đại diện theo uỷ quyền: Anh Trần Sơn – Cán bộ xử lý nợ
- Bị đơn: Công ty H
Địa chỉ: Tầng * số ** đường T, phường T, quận L, TP. H
Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Anh T – Giám đốc
Đại diện theo uỷ quyền: Bà Đỗ Thị Thu H – sinh năm 1987 (*Giấy ủy quyền ngày 04/7/2023*)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Thu H – sinh năm 1987

HKTT: Tiểu khu ** thị trấn L, huyện L, tỉnh H

Trú tại: Căn **** Nhà ** chung cư V, phường C, quận N, TP. H

2. Bà Đào Thị H, sinh năm 1975

HKTT: Thôn N, xã S, huyện K, tỉnh H

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Đỗ Thị Thu H – sinh năm 1987 (*Giấy ủy quyền số công chứng 9752 ngày 06/7/2023 tại Văn phòng công chứng N*)

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Công ty H (gọi tắt là Công ty H) xác nhận có vay vốn tại Ngân hàng A – Chi nhánh T theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060122-7679285-01-SME ngày 17/01/2022 và các khế ước nhận nợ kèm theo với tổng số tiền là **21.942.066.000 đồng** (*Hai mươi mốt tỷ, chín trăm bốn mươi hai triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*), cụ thể như sau:

2.1.1.Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060122-7679285-01-SME ngày 17/01/2022

- Mục đích sử dụng tiền vay: *Bổ sung vốn lưu động/ phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại các loại đá*.
- Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- ***Khế ước nhận nợ số: 2001-7679285-01-SME ngày 20/01/2022:***

- Số tiền nhận nợ: **21,942,066,000 đồng**
- Thời hạn vay: 05 tháng, từ ngày 20/01/2022 đến ngày 20/06/2022.

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: **8.5%/năm**. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất

này sẽ được điều chỉnh đình kỳ 01 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/02/2022. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng kỳ hạn 05 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ **2.8%/năm**.

- Thời hạn trả nợ : Khách hàng phải thanh toán nợ gốc của KUNN này cho bên ngân hàng một lần khi kết thúc thời hạn vay nêu trên.

Khách hàng phải thanh toán lãi của KUNN này cho bên ngân hàng định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 25 hàng tháng; Kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/02/2022.

2.2.Biện pháp bảo đảm cho khoản vay :

2.2.1 Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là : QSD đất tại địa chỉ thửa đất số E**, tờ bản đồ số **, Khu đất xây dựng nhà ở Phường V, Quận L, Thành phố H. Theo GCN QSD đất số CK222168, số vào sổ cấp GCN: CS45977 do Sở tài nguyên và Môi Trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/11/2017 đứng tên ông Kiều Hữu H. Ngày 08/01/2020 chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Thu H theo hồ sơ số 002693.CN.001. Xác lập thế chấp tại Ngân hàng A theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 319/2022; quyển số: 01-2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/01/2022.

2.2.2. Biện pháp bảo đảm khác:

Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 17/01/2022; Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL ngày 17/01/2022. Theo đó, bà Đỗ Thị Thu H và bà Đào Thị H đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060122-7679285-01-SME ngày 17/01/2022 ký giữa Công ty H và Ngân hàng A bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

2.3. Quá trình thực hiện hợp đồng

Công ty H xác nhận đã được Ngân hàng A giải ngân số tiền là: **21.942.066.000 đồng (Hai mươi mốt tỷ, chín trăm bốn mươi hai triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).** Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng A kể từ ngày 25/05/2022.

2.4. Ngân hàng A và Công ty H, bà Đỗ Thị Thu H, bà Đào Thị H thống nhất:

2.4.1.Công ty H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A tạm tính đến ngày 07/07/2023 số tiền:

- **Nợ gốc**: 21.942.066.000 đồng
- **Nợ lãi** : 3.397.842.912 đồng

  Trong đó :

  + Nợ lãi trong hạn : 263.163.116 đồng

  + Nợ lãi quá hạn : 3.134.679.796 đồng
- Phạt chậm trả lãi : 217.822.588 đồng

Tổng cộng: 25.557.731.500 đồng (*Hai mươi lăm tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm đồng*).

2.4.2. Phương án trả nợ của công ty H như sau: Công ty sẽ tất toán toàn bộ khoản vay gồm nợ gốc, nợ lãi tính đến thời điểm ngày 07/07/2023 là **25.557.731.500 đồng (** *Hai mươi lăm tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm đồng***)** vào ngày 30/09/2023.

Trong trường hợp Công ty H không trả được nợ:

- Công ty H tiếp tục phải trả lãi trên số tiền chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo và các khoản phát sinh liên quan kể từ ngày 18/7/2023 cho đến ngày Công ty H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A.

- Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng A nếu Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Ngân hàng A là: Quyền sử dụng đất tại địa chỉ thửa đất số E**, tờ bản đồ số **, Khu đất xây dựng nhà ở Phường V, Quận L, Thành phố H. Theo GCN QSD đất số CK222168, số vào sổ cấp GCN: CS45977 do Sở tài nguyên và Môi Trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/11/2017 đứng tên ông Kiều Hữu H. Ngày 08/01/2020 chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Thu H theo hồ sơ số 002693.CN.001. Xác lập thế chấp tại Ngân hàng A theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 319/2022; quyển số: 01-2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/01/2022.

- Nếu tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A, Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu,sử dụng của Công ty H để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty H thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng A.

- Ngân hàng A có quyền yêu cầu bên bảo lãnh bà Đỗ Thị Thu H và bà Đào Thị H có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty H tại Ngân hàng A theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

2.5.Về án phí:

- Công ty H tự nguyện chịu cả án phí KDTM sơ thẩm là 66.778.865 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng*).
- Hoàn trả Ngân hàng A số tiền 65.745.000 đồng *(Sáu mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)* đã nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên lai số 0065683 ngày 01/3/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì được người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
-VKS quận Long Biên;
-Chi cục THADS Q.Long Biên
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Thẩm phán

Lý Thị Tường Nga